

Số: 25456/QĐ-PVB

Hà Nội, ngày 08 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc: Ban hành Quy chế về quản trị Ngân hàng TMCP Đại Chứng Việt Nam

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẠI CHỨNG VIỆT NAM**

Căn cứ Giấy phép thành lập và hoạt động số 279/GP-NHNN ngày 16/09/2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đại Chứng Việt Nam;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101057919 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 01/10/2013 cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đại Chứng Việt Nam, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 13/10/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Ngân hàng thương mại cổ phần Đại Chứng Việt Nam;

Căn cứ điểm c khoản 11 Điều 1 Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 8509/NQ-DHĐCĐ ngày 20/4/2024 của Ngân hàng TMCP Đại Chứng Việt Nam về việc ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông cho Hội đồng quản trị;

Xét đề nghị tại Tờ trình số 548/TTr-PC&TT ngày 15/10/2024 của Ban Điều hành v/v Thay thế Quy chế Quản trị Ngân hàng TMCP Đại Chứng Việt Nam số 213/2021/QC-PC&TT ngày 15/7/2021;

Căn cứ kết quả biểu quyết tại Biên bản Tổng hợp ý kiến Thành viên HĐQT số 099.../2024/BB-HĐQT ngày 08 / 11 /2024,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành “Quy chế về quản trị Ngân hàng TMCP Đại Chứng Việt Nam”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 08.../11.../2024, thay thế Quyết định số 213/2021/QĐ-PVB ngày 15/7/2021 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Đại Chứng Việt Nam về việc ban hành Quy chế quản trị Ngân hàng TMCP Đại Chứng Việt Nam.

Điều 3. Các Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và các đơn vị, cá nhân có liên quan của Ngân hàng TMCP Đại Chứng Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Khối, Đơn vị trực thuộc PVcomBank;
- Lưu: VT, VPHĐQT (02).

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đình Lâm

QUY CHẾ
Về quản trị Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẠI CHÚNG VIỆT NAM

Căn cứ Giấy phép thành lập và hoạt động số 279/GP-NHNN ngày 16/09/2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đại Chúng Việt Nam;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101057919 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 01/10/2013 cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đại Chúng Việt Nam, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 13/10/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Ngân hàng thương mại cổ phần Đại Chúng Việt Nam;

Căn cứ Quyết định của Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam số 25456.../QĐ-PVB ngày 08./11./2024 về việc ban hành Quy chế quản trị Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam,

Ban hành Quy chế về quản trị Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam như sau:

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế này quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng:

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Ban Điều hành và tổ chức, cá nhân là người có liên quan tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đại Chúng Việt Nam.

Điều 2. Giải thích từ ngữ và chữ viết tắt

1. Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây có nghĩa như sau:

- a. **“Họp ĐHĐCĐ theo hình thức trực tuyến”** có nghĩa là Người triệu tập họp ĐHĐCĐ quyết định việc tổ chức họp ĐHĐCĐ mà theo đó cổ đông có thể tham

dự, phát biểu và thực hiện quyền biểu quyết từ xa thông qua các phương tiện điện tử mà không cần phải đến cùng một địa điểm để tham dự Đại hội đồng cổ đông. Khi đó địa điểm họp ĐHĐCĐ là địa điểm nơi có sự xuất hiện của Chủ tọa.

- b. **“Họp ĐHĐCĐ theo hình thức trực tiếp”** có nghĩa là Người triệu tập họp ĐHĐCĐ quyết định việc tổ chức họp ĐHĐCĐ mà theo đó các cổ đông gặp mặt trực tiếp và tập trung tại một địa điểm xác định.
- c. **“Họp ĐHĐCĐ theo hình thức kết hợp”** có nghĩa là Người triệu tập họp ĐHĐCĐ quyết định tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ theo hình thức kết hợp giữa hình thức trực tiếp và hình thức trực tuyến. Khi đó, cuộc họp ĐHĐCĐ được tổ chức gặp mặt cổ đông trực tiếp tập trung tại một địa điểm, những người không tới tham dự trực tiếp được có thể tham dự và biểu quyết từ xa thông qua các phương tiện điện tử theo cách thức được hướng dẫn. Địa điểm tổ chức ĐHĐCĐ được xác định là địa điểm gặp mặt trực tiếp tập trung.
- d. **“Hệ thống điện tử trung tâm”** có nghĩa là phương tiện điện tử hoặc tập hợp các phương tiện điện tử do Người triệu tập ĐHĐCĐ thiết lập nhằm duy trì kết nối với các cổ đông, tiếp nhận việc đăng ký tham dự, phát biểu và biểu quyết của cổ đông khi tổ chức họp ĐHĐCĐ dưới hình thức trực tuyến hoặc hình thức kết hợp.
- e. **“Phương tiện điện tử”** có nghĩa là phần cứng, phần mềm, hệ thống thông tin hoặc phương tiện khác hoạt động dựa trên công nghệ thông tin, công nghệ điện, điện tử, kỹ thuật số, từ tính, truyền dẫn không dây, quang học, điện tử hoặc công nghệ khác tương tự. Khi sử dụng Phương tiện điện tử tham gia họp ĐHĐCĐ, cổ đông phải đảm bảo Phương tiện điện tử có đầy đủ các tính năng, công dụng để thực hiện được việc đăng nhập, đăng ký, phát biểu, biểu quyết theo tài liệu hướng dẫn của Người triệu tập họp ĐHĐCĐ công bố theo điểm a Điều 8 Quy chế này.
- f. **“Luật Doanh nghiệp”** có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020, Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11/01/2022 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Luật này.
- g. **“Luật các Tổ chức tín dụng”** có nghĩa là Luật các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 18/01/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Luật này.
- h. **“Luật Chứng khoán”** có nghĩa là Luật Chứng khoán số 54/2019/QĐ14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Luật này.

2. Chữ viết tắt:

- a. **“PVcomBank”** hoặc **“Ngân hàng”** có nghĩa là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam.

- b. **“Điều lệ Ngân hàng”** hoặc **“Điều lệ”** có nghĩa là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đại Chúng Việt Nam.
- c. **“NHNN”** có nghĩa là Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- d. **“ĐHĐCĐ”** có nghĩa là Đại hội đồng cổ đông PVcomBank.
- e. **“TGD”** có nghĩa là Tổng Giám đốc PVcomBank
- f. **“HĐQT”** có nghĩa là Hội đồng quản trị PVcomBank

Điều 3. Các nguyên tắc quản trị cơ bản

Quy chế này được xây dựng trên cơ sở những nguyên tắc quản trị cơ bản sau đây:

- 1. Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý, tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.
- 2. Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Ngân hàng.
- 3. Tôn trọng và đảm bảo quyền lợi hợp pháp của cổ đông; đối xử công bằng giữa các cổ đông.
- 4. Công khai minh bạch mọi hoạt động của Ngân hàng.

Điều 4. Nguyên tắc áp dụng văn bản

- 1. Đối với những nội dung liên quan đến quản trị Ngân hàng nhưng chưa được quy định tại Quy chế này thì thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và các quy định của pháp luật có liên quan. Trường hợp có sự khác nhau giữa các quy định pháp luật về quản trị công ty thì việc áp dụng pháp luật được thực hiện theo thứ tự ưu tiên như sau: Luật các Tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp.
- 2. Trường hợp có sự thay đổi Điều lệ Ngân hàng và/hoặc quy định của pháp luật dẫn đến có sự khác biệt giữa quy định tại Quy chế này với quy định của Điều lệ Ngân hàng và/hoặc quy định của pháp luật đó thì áp dụng quy định mới tại Điều lệ Ngân hàng và/hoặc quy định mới của pháp luật.

Chương II

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 5. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Vai trò của ĐHĐCĐ

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Ngân hàng.

2. Quyền hạn và nhiệm vụ của ĐHĐCĐ

Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ theo quy định tại Điều 34 Điều lệ Ngân hàng.

Điều 6. Trình tự, thủ tục thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp

1. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông:

- a. Hội đồng quản trị phải triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và cuộc họp bất thường trong thời hạn quy định tại Khoản 2, 3, 4 Điều 33 Điều lệ

Ngân hàng.

- b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn quy định thì Ban Kiểm soát sẽ thay thế Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm 4.2 Khoản 4 Điều 33 Điều lệ Ngân hàng và quy định của Pháp luật.
- c. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số Cổ phần phổ thông của Ngân hàng yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường có quyền đại diện Ngân hàng triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

2. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp

Việc lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 37 Điều lệ Ngân hàng.

3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông:

Ngân hàng phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

- a. Tùy vào từng hoàn cảnh cụ thể tại thời điểm tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông, Người có thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông có quyền quyết định về cách thức tổ chức họp ĐHĐCĐ bằng một trong các hình thức sau đây:

- Hình thức trực tiếp;
- Hình thức trực tuyến;
- Hình thức kết hợp.

- b. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi tới cổ đông Giấy mời họp và các tài liệu phục vụ Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn và theo phương thức quy định tại Điều 38 Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan. Trong Giấy mời họp cần xác định rõ hình thức tổ chức ĐHĐCĐ theo quy định tại Điểm a Khoản này.

5. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông

- a. Người triệu tập ĐHĐCĐ thực hiện chuẩn bị chương trình họp và các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội để gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng theo quy định tại Điều 38 Điều lệ Ngân hàng.
- b. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 05% tổng số Cổ phần của Ngân hàng trở lên có quyền kiến nghị các vấn đề cần đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Việc cổ đông kiến nghị và việc người triệu tập Đại hội đồng cổ đông từ chối/chấp nhận kiến nghị được thực hiện theo quy định tại Điều 38 Điều lệ Ngân hàng

6. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông:

Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, pháp nhân khác dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 35 Điều lệ Ngân

hàng.

7. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

Trước khi khai mạc cuộc họp, Ngân hàng phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các Cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo quy định tại Điều 40 Điều lệ Ngân hàng và Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông ban hành tại từng thời điểm.

8. Điều kiện tiến hành cuộc họp

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông và người được ủy quyền dự họp đảm bảo đủ tỷ lệ đại diện tham gia theo quy định tại Điều 39 Điều lệ Ngân hàng.

9. Hình thức thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết, quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp theo quy định tại Điều 40 Điều lệ Ngân hàng.

10. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

- a. Người đăng ký dự họp sẽ được cấp Thẻ biểu quyết (ghi mã số cổ đông, tổng số cổ phần bằng số lượng cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông hoặc số lượng cổ phần được quyền đại diện trong trường hợp là người đại diện theo ủy quyền) và Phiếu biểu quyết (ghi nhận vấn đề biểu quyết trong chương trình họp, trong đó có ghi rõ các mục biểu quyết gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến) để các cổ đông thực hiện quyền biểu quyết.

Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến.

- b. Đối với việc bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát của Ngân hàng, các cổ đông/đại diện cổ đông sẽ biểu quyết theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại Điều 10 (đối với thành viên Hội đồng quản trị) và Điều 16 (đối với thành viên Ban Kiểm soát) của Quy chế này.

11. Cách thức kiểm phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a. Việc kiểm phiếu được tiến hành bởi Ban kiểm phiếu do Chủ tọa đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Ban kiểm phiếu phải tiến hành kiểm phiếu tại phòng kín ngay sau khi cuộc bỏ phiếu kết thúc.
- b. Ban kiểm phiếu phải đảm bảo tính trung thực của việc kiểm phiếu và kiểm phiếu đảm bảo bí mật; nếu có sai phạm Ban kiểm phiếu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm.

12. Điều kiện để nghị quyết, quyết định được thông qua

Nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua theo quy định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều 41 Điều lệ Ngân hàng.

13. Thông báo kết quả kiểm phiếu:

Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

14. Cách thức phản đối nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết, quyết định về việc tổ chức lại Ngân hàng hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Ngân hàng có quyền yêu cầu Ngân hàng mua lại cổ phần của mình theo quy

định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp.

15. Lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Biên bản Đại hội đồng cổ đông được lập theo quy định tại Điều 43 Điều lệ Ngân hàng.

16. Công bố nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi nghị quyết, quyết định có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Ngân hàng.

Trong vòng 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp, tất cả các nghị quyết, quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua phải được gửi đến NHNN.

Điều 7. Trình tự, thủ tục thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản

Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Ngân hàng (trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 41 Điều lệ Ngân hàng).

2. Trình tự, thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ, lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo Điều 42 Điều lệ Ngân hàng.

Nghị quyết, quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết, quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 8. Trình tự, thủ tục thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức kết hợp giữa hội nghị trực tuyến và họp trực tiếp

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông quyết định triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức kết hợp thay cho hình thức họp trực tiếp trong trường hợp xảy ra các sự kiện không thuận lợi hoặc khó khăn trong việc tổ chức họp trực tiếp.

2. Trong trường hợp tổ chức họp ĐHĐCĐ bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức kết hợp: Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi tài liệu hướng dẫn Cổ đông về cách thức đăng ký tham dự họp, ủy quyền dự họp, cách thức phát biểu, bỏ phiếu biểu quyết thông qua cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và các vấn đề có liên quan tới trình tự thủ tục họp ĐHĐCĐ trực tuyến trên cơ sở quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng và Quy chế này.

3. Hướng dẫn của Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông nêu tại Khoản 2 Điều này phải được thông tin tới Cổ đông trước khi tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo phương thức phù hợp với quy định pháp luật, Điều lệ Ngân hàng và Quy chế này, đảm bảo Cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Cổ đông đăng ký tham dự, phát biểu và biểu quyết theo đúng tài liệu hướng dẫn quy định tại Khoản 2 Điều này. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết khi Hệ thống điện tử trung tâm đã tiếp nhận việc đăng nhập, đăng ký và biểu quyết của cổ đông theo đúng cách thức tại hướng dẫn.
5. Người triệu tập ĐHĐCĐ có trách nhiệm duy trì Hệ thống điện tử trung tâm để Phương tiện điện tử của các Cổ đông có thể kết nối một cách liên tục trong suốt quá trình diễn ra Đại hội. Trường hợp nếu gặp sự cố bị gián đoạn mà không thể khắc phục được trong vòng 90 (chín mươi) phút, Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp ĐHĐCĐ để tổ chức vào một thời điểm khác thích hợp.
6. Cổ đông có trách nhiệm sử dụng Phương tiện điện tử phù hợp theo hướng dẫn của Người triệu tập họp ĐHĐCĐ và đảm bảo các Phương tiện điện tử này được duy trì và kết nối một cách liên tục với Hệ thống điện tử trung tâm. Chủ tọa không có trách nhiệm phải dừng cuộc họp trong trường hợp xảy ra sự cố kết nối không phải do Hệ thống điện tử trung tâm gây ra và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trong khi Cổ đông bị ngắt kết nối sẽ không bị ảnh hưởng.
7. Các nội dung khác liên quan đến việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông, điều kiện tiến hành, hình thức thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, cách thức bỏ phiếu, cách thức kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu, lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, công bố nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông thực hiện tương tự theo Điều 6 Quy chế này.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 9. Vai trò, quyền và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị

1. Vai trò của HĐQT

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị Ngân hàng, có toàn quyền nhân danh Ngân hàng để quyết định và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nhiệm vụ của HĐQT

Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ theo quy định tại Điều 53 Điều lệ Ngân hàng

3. Quyền và nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ theo quy định tại Điều 56 Điều lệ Ngân hàng

Điều 10. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi miễn thành viên Hội đồng quản trị

1. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị có từ 05 (năm) thành viên đến 11 (mười một) thành viên. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị Ngân hàng là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc thay thế thành viên Hội đồng quản trị phải được Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.

2. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

- a. Hội đồng quản trị có tối thiểu 02 (hai) thành viên độc lập, 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên là thành viên độc lập và thành viên không phải là Người điều hành của Ngân hàng. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó, hoặc những người là người đại diện vốn góp của một Cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này không được chiếm quá 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước, bên nhận chuyển giao bắt buộc.
- b. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 45 và Khoản 2 Điều 47 Điều lệ Ngân hàng. Thành viên độc lập HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 45 và Khoản 3 Điều 47 Điều lệ Ngân hàng.

3. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

- a. Các Cổ đông nắm giữ Cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng cổ đông lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị phù hợp quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định của pháp luật.
- b. Số lượng ứng cử viên mà mỗi nhóm Cổ đông có quyền đề cử phụ thuộc vào số lượng ứng cử viên do Đại hội quyết định và tỷ lệ sở hữu Cổ phần của mỗi nhóm theo quy định tại Khoản 3 Điều 51 Điều lệ Ngân hàng.

4. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

- a. Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên Hội đồng quản trị theo phương thức bầu dồn phiếu phù hợp quy định của pháp luật, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số Cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho 01 hoặc một số ứng cử viên.
- b. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên. Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại Thể lệ/Quy chế bầu cử công bố tại mỗi kỳ họp Đại hội đồng cổ đông (nếu có).

5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

- a. Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị bị xem xét bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 49 Điều lệ Ngân hàng.
- b. Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

- a. Ngân hàng phải thông báo cho NHNN danh sách những người được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ

ngày bầu.

- b. Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo NHNN.

7. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị

Trường hợp các Cổ đông không đề cử đủ số lượng ứng cử viên đối với thành viên Hội đồng quản trị (bao gồm cả thành viên Hội đồng quản trị độc lập) hoặc các ứng cử viên không đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định, Hội đồng quản trị đương nhiệm sẽ giới thiệu/đề cử ứng cử viên bổ sung, thay thế đối với các chức danh này. Hội đồng quản trị thông báo cho Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông đề cử của ứng cử viên không đáp ứng đủ điều kiện biết rõ lý do và công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Pháp luật.

8. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị

- a. Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- b. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị trong số các thành viên Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán.
- c. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định hoặc các trường hợp khác bị đương nhiên mất tư cách, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tư cách thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.
- d. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị, nhưng vẫn còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị thì Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 11. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Các thành viên Hội đồng quản trị được nhận thù lao công việc, thưởng và lợi ích khác theo quy định tại Điều 54 Điều lệ Ngân hàng.

Điều 12. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

1. Số lượng cuộc họp tối thiểu: mỗi quý 01 lần.
2. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường: Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường trong các trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 58 Điều lệ Ngân hàng
3. Thông báo họp Hội đồng quản trị: Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, thư điện tử hoặc phương thức khác và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Ngân hàng
4. Quyền dự họp HĐQT của thành viên Ban Kiểm soát: Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
5. Điều kiện tổ chức họp HĐQT:
Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn 1/2 (một phần hai) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
6. Cách thức biểu quyết:
Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ.
7. Cách thức thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị: Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
8. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị
Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị

Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam.

9. **Lập biên bản họp Hội đồng quản trị**

Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Việc lập Biên bản phải tuân thủ quy định tại Khoản 13 Điều 58 Điều lệ Ngân hàng.

10. **Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Điểm 13.2 Khoản 13 Điều 58 Điều lệ Ngân hàng thì biên bản này có hiệu lực.**

11. **Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.**

Ngân hàng có trách nhiệm công bố thông tin về nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị trong nội bộ Ngân hàng và/hoặc cho các cơ quan hữu quan (nếu được yêu cầu) theo quy định pháp luật và quy định của Ngân hàng.

Điều 13. Các Ủy ban thuộc Hội đồng quản trị

1. **Hội đồng quản trị thành lập các Ủy ban trực thuộc để giúp Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, bao gồm nhưng không giới hạn các Ủy ban sau:**

a. Ủy ban quản lý rủi ro;

b. Ủy ban nhân sự.

2. **Nhiệm vụ, quyền hạn, số lượng thành viên, tiêu chuẩn và cơ chế làm việc cụ thể của các Ủy ban của Hội đồng quản trị được quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của các Ủy ban do Hội đồng quản trị ban hành trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.**

3. **Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao, các Ủy ban của Hội đồng quản trị được quyền ban hành các nghị quyết, quyết định và sau đó phải báo cáo Hội đồng quản trị bằng văn bản.**

Điều 14. Người phụ trách quản trị Ngân hàng

1. **Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị Ngân hàng**

Người phụ trách quản trị Ngân hàng phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a. Có hiểu biết về pháp luật;

b. Không đồng thời làm việc cho Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Ngân hàng;

c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật và quyết định của Hội đồng quản trị.

2. **Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Ngân hàng:**

Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Ngân hàng để hỗ trợ công tác quản trị tại Ngân hàng. Nhiệm kỳ Người phụ trách quản trị Ngân hàng do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là 5 (năm) năm.

3. **Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Ngân hàng**

Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Ngân hàng theo các quy định tại Quy chế quản lý cán bộ và công tác nhân sự tại Ngân hàng

4. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Ngân hàng
Ngân hàng phải thực hiện thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Ngân hàng cũng như việc thực hiện công bố thông tin theo quy định của Luật chứng khoán.
5. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Ngân hàng
 - a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Ngân hàng và cổ đông;
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát;
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d. Tham dự các cuộc họp;
 - e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - f. Cung cấp các thông tin tài chính, biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát;
 - g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Ngân hàng;
 - h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
 - i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng;
 - j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

Chương IV

BAN KIỂM SOÁT

Điều 15. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát

1. Vai trò của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát thực hiện giám sát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị của Ngân hàng.

2. Quyền và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát có các quyền và nhiệm vụ theo quy định tại Điều 66 Điều lệ Ngân hàng.

Điều 16. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát

1. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát

- a. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.
- b. Ban kiểm soát của Ngân hàng có tối thiểu 05 (năm) thành viên. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

2. **Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát**

Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 64 Điều lệ Ngân hàng.

3. **Ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát**

- a. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Ban Kiểm soát: Thực hiện tương tự quy định tại Khoản 3 Điều 10 Quy chế này.
- b. Trên cơ sở danh sách đề cử của các Cổ đông đối với các chức danh này, Hội đồng quản trị thẩm định điều kiện, tiêu chuẩn; lập Danh sách ứng cử viên cho các chức danh dự kiến bầu. Trường hợp các Cổ đông không đề cử đủ số lượng ứng cử viên đối với thành viên Ban kiểm soát hoặc các ứng cử viên không đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định, Ban kiểm soát đương nhiệm sẽ đề cử ứng cử viên bổ sung, thay thế đối với các chức danh này. Hội đồng quản trị thông báo cho Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông đề cử của ứng cử viên không đáp ứng đủ điều kiện biết rõ lý do và công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.
- c. Sau khi lập Danh sách ứng cử viên, Hội đồng quản trị Ngân hàng có văn bản đề nghị Ngân hàng Nhà nước xem xét, chấp thuận Danh sách ứng cử này.

4. **Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát**

Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên Ban Kiểm soát theo phương thức bầu dồn phiếu tương tự như đối với bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Khoản 4 Điều 10 Quy chế này. Ban Kiểm soát bầu một trong số các thành viên Ban Kiểm soát làm Trưởng Ban Kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

5. **Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát**

- a. Trưởng ban, thành viên khác của Ban Kiểm soát bị xem xét bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 49 Điều lệ Ngân hàng.
- b. Trưởng ban, thành viên khác của Ban Kiểm soát sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

6. **Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát**

Thực hiện tương tự quy định tại Khoản 6 Điều 10 Quy chế này.

7. **Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát**

Thành viên Ban Kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quy định tại Điều 71 Điều lệ Ngân hàng.

Chương V

TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 17. Vai trò, quyền và nghĩa vụ Tổng Giám đốc

1. **Vai trò của Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc là Người điều hành cao nhất của Ngân hàng, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước pháp luật về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

2. Quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc

Quyền và nghĩa vụ của TGD tuân thủ theo quy định tại Khoản 4 Điều 63 Điều lệ Ngân hàng

Điều 18. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc

1. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc

a. Nhiệm kỳ

Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc với nhiệm kỳ không quá 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

b. Tiêu chuẩn, điều kiện của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo Khoản 4 Điều 45, Khoản 1 Điều 46, Khoản 5 Điều 47 Điều lệ Ngân hàng.

2. Ứng cử, đề cử Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên trong Hội đồng quản trị làm TGD hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc.

Các thành viên Hội đồng quản trị có thể đề cử ứng cử viên hoặc tự ứng cử cho vị trí TGD. Hồ sơ ứng cử TGD do người đề cử ứng cử chuẩn bị theo yêu cầu của HĐQT. Toàn bộ hồ sơ được gửi đến các thành viên HĐQT dự họp cùng với tài liệu mời họp HĐQT. HĐQT có thể xem xét phỏng vấn và thực hiện các công việc khác (như tiến hành thăm dò ý kiến trong lãnh đạo chủ chốt Ngân hàng...) để lựa chọn người được bổ nhiệm.

Danh sách dự kiến những người được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi bổ nhiệm.

3. Bổ nhiệm Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm Tổng Giám đốc phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng do Hội đồng quản trị ban hành có hiệu lực trong từng thời kỳ.

Người được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc phải thuộc danh sách dự kiến bổ nhiệm đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.

4. Ký hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc

Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện ký kết, thay đổi, tạm hoãn, chấm dứt Hợp đồng lao động đối với các chức danh Tổng Giám đốc theo quy định nội bộ của Ngân hàng về hợp đồng lao động.

5. Bãi nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc của Ngân hàng bị xem xét bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 49 Điều lệ Ngân hàng.

6. Thông báo về bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc

Thực hiện tương tự quy định tại Khoản 6 Điều 10 Quy chế này.

7. Tiền lương, lợi ích khác

Hội đồng quản trị quyết định tiền lương, thưởng và các lợi ích khác của Tổng Giám đốc căn cứ vào kết quả và hiệu quả kinh doanh.

Tiền lương và chi phí hoạt động của Tổng Giám đốc tính vào chi phí kinh doanh của Ngân hàng theo quy định pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và các quy định khác có liên quan của Pháp luật và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Ngân hàng

Chương VI

PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 19. Nguyên tắc phối hợp trong công tác

1. Luôn trung thành vì lợi ích của PVcomBank.
2. Tuân thủ nghiêm túc các quy định có liên quan của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của PVcomBank.
3. Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, minh bạch.
4. Phối hợp công tác với tinh thần trách nhiệm cao nhất, trung thực, hợp tác và thường xuyên chủ động phối hợp tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn (nếu có) vì lợi ích chung của PVcomBank.

Điều 20. Quan hệ công tác giữa Hội đồng quản trị với Ban Điều hành

1. Hội đồng quản trị bảo đảm tạo mọi điều kiện thuận lợi về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất để Tổng Giám đốc và các thành viên khác của Ban Điều hành hoàn thành nhiệm vụ được giao.
2. Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị có hiệu lực bắt buộc thi hành. Khi tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho PVcomBank thì Tổng Giám đốc/thành viên Ban Điều hành khác được giao nhiệm vụ thực hiện nghị quyết, quyết định có trách nhiệm đề nghị Hội đồng quản trị xem xét, điều chỉnh cho phù hợp. Trường hợp Hội đồng quản trị không điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định thì Tổng Giám đốc/thành viên Ban Điều hành khác được giao nhiệm vụ thực hiện nghị quyết, quyết định vẫn phải thực hiện nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông hoặc cơ quan có thẩm quyền khác.
3. Tổng Giám đốc, các thành viên khác thuộc Ban Điều hành có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị các vấn đề có liên quan tới hoạt động điều hành kinh doanh của PVcomBank trong lĩnh vực được giao phụ trách theo định kỳ hoặc khi phát sinh sự cố trong kinh doanh mà Tổng Giám đốc/các thành viên khác thuộc Ban Điều hành xét thấy là nghiêm trọng hoặc bất kể khi nào theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.
4. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các Đơn vị thuộc Ban Điều hành thực hiện các nội dung nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, nếu xét thấy cần thiết. Trong trường hợp này, Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm điều hành triển khai và báo cáo kết quả thực hiện.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) người quản lý khác.
6. Tại các cuộc họp Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người chủ trì cuộc họp căn cứ nội dung họp để quyết định mời Tổng Giám đốc, các thành

viên khác của Ban Điều hành tham dự họp, báo cáo công việc cụ thể và tham gia ý kiến (nếu cần).

7. Ban Điều hành chịu trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ được phân công, được tiếp cận thông tin, báo cáo trong thời gian nhanh nhất.
8. Trường hợp phát hiện có rủi ro hoặc các sự cố có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của PVcomBank hoặc các sự việc xét thấy cần thiết khác, Ban Điều hành phải báo cáo ngay cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp phụ trách mảng công việc đó biết để chỉ đạo giải quyết kịp thời.

Điều 21. Quan hệ công tác giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát

1. Mọi quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm hợp tác chặt chẽ và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các thành viên Ban Kiểm soát trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của mình; đồng thời, có trách nhiệm chỉ đạo, giám sát việc chấn chỉnh và xử lý các sai phạm theo kiến nghị của Ban Kiểm soát.
3. Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, thành viên Ban Kiểm soát có thể đề nghị Hội đồng quản trị cung cấp các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của PVcomBank.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có đề nghị của Ban Kiểm soát.
5. Với mỗi cuộc họp Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

Điều 22. Quan hệ công tác giữa Ban Kiểm soát với Ban Điều hành

1. Ban Điều hành chịu trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để Trưởng Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát được tiếp cận thông tin, báo cáo trong khoảng thời gian nhanh nhất.
2. Ban Điều hành thông báo cho Ban Kiểm soát những chỉ đạo, ý kiến của mình đối với những vấn đề Ban Kiểm soát đã có báo cáo, kiến nghị để Ban Kiểm soát theo dõi.
3. Tổng Giám đốc có trách nhiệm thực hiện những kiến nghị của Ban Kiểm soát hoặc báo cáo với Hội đồng quản trị những điểm không thống nhất với các kiến nghị và thực hiện theo ý kiến chỉ đạo của Hội đồng quản trị đồng thời thông báo cho Ban Kiểm soát những ý kiến chỉ đạo này.
4. Ban Điều hành tạo mọi điều kiện cho các thành viên Ban Kiểm soát tham gia các khóa đào tạo nghiệp vụ, các hoạt động khảo sát thực tế trong và ngoài nước nhằm trao đổi, học hỏi kinh nghiệm, nâng cao kiến thức quản trị, điều hành Ngân hàng.

Chương VII

KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Điều 23. Khen thưởng

1. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành có thành tích trong việc quản trị, điều hành Ngân hàng và các nhiệm vụ khác được giao sẽ được xem xét khen thưởng theo quy định của Ngân hàng, phù hợp với quy định của pháp luật.
2. Các hình thức khen thưởng, tiêu chuẩn cụ thể, thủ tục khen thưởng sẽ thực hiện theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

Điều 24. Kỷ luật

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình mà vi phạm quy định pháp luật, Điều lệ Ngân hàng và các quy định có liên quan của Ngân hàng thì tùy theo tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định của Ngân hàng, phù hợp với quy định của pháp luật.

Chương VIII

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 25. Nghĩa vụ công bố thông tin

1. Ngân hàng có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị Ngân hàng cho cổ đông và công chúng. Ngân hàng phải công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.
2. Việc công bố thông tin được thực hiện bảo đảm cổ đông và công chúng có thể tiếp cận công bằng. Ngôn ngữ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và nhà đầu tư.

Chương IX

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Hiệu lực thi hành

Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08/11/2024, thay thế Quy chế Quản trị Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam số 213/2021/QC-PC&TT ngày 15/7/2021 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam.

Điều 27. Điều khoản chuyển tiếp

1. Người quản lý, Người điều hành và chức danh khác của Ngân hàng được bầu, bổ nhiệm trước ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành mà không đáp ứng quy định tại các tiêu chuẩn, điều kiện đối với Người quản lý, Người điều hành và một số chức danh khác theo quy định tại Điều 45, Điều 46, Điều 47 Điều lệ

Ngân hàng được tiếp tục đảm nhiệm chức vụ đến hết nhiệm kỳ hoặc đến hết thời hạn được bầu, bổ nhiệm.

2. Hội đồng quản trị của Ngân hàng được bầu trước ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành mà không đáp ứng quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 52 Điều lệ Ngân hàng được tiếp tục hoạt động đến hết nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.
3. Ban Kiểm soát của Ngân hàng có số lượng thành viên chưa tuân thủ quy định tại khoản 1 Điều 65 Điều lệ Ngân hàng được tiếp tục duy trì số lượng thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều 44 của Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 17/2017/QH14 cho đến hết nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát, thành viên Ban Kiểm soát, trừ trường hợp Ngân hàng bầu, bổ nhiệm bổ sung, thay thế thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 28. Hướng dẫn thực hiện

Tổng Giám đốc có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy chế, ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện Quy chế này (nếu cần)

Điều 29. Trách nhiệm thực hiện

1. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành và các đơn vị, cá nhân trực thuộc Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.
2. Những nội dung chưa được đề cập tại Quy chế này thực hiện theo quy định liên quan của Pháp luật, quy định của PVcomBank. Bất kỳ quy định nào của Quy chế này không phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ của PVcomBank thì mặc nhiên hết hiệu lực thi hành và được thực hiện theo quy định liên quan của Pháp luật, Điều lệ Ngân hàng.
3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc hoặc vấn đề phát sinh ngoài Quy chế hoặc nội dung Quy chế không phù hợp với các quy định pháp luật, quy định của PVcomBank, các đơn vị gửi ý kiến phản hồi về Khối Pháp chế và Tuân thủ tổng hợp. Khối Pháp chế và Tuân thủ báo cáo Hội đồng quản trị xem xét trình Đại hội đồng cổ đông hoặc cấp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền thông qua việc sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Quy chế này.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS, BDH;
- Đơn vị trực thuộc PVcomBank;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đình Lâm